


TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI



**QUY ĐỊNH
PHÂN LOẠI MỘT SỐ PHẪU THUẬT, THỦ
THUẬT NGOẠI KHOA, SẢN KHOA
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI**

QĐ.KHTH.30

Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
BS. Hồ Đăng Châu Khoa Ngoại - Sản - 3CK	BS. Nguyễn Văn Kiều Phòng KHTH	BS. Lê Đăng Luận Phó Giám đốc
		

	<p>QUY ĐỊNH PHÂN LOẠI MỘT SỐ PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT NGOẠI KHOA, SẢN KHOA TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI</p>	<p>Mã số: QĐ.KHTH.30 Ngày ban hành: 31/7/2023 Lần ban hành: 01 Lần sửa đổi: 0</p>
---	---	--

1. Người có liên quan phải nghiên cứu và thực hiện đúng các nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực thi hành như sự chỉ đạo của Giám đốc Trung tâm.
3. Mỗi khoa, phòng lưu ít nhất 01 bản (có đóng dấu trung tâm). Cán bộ viên chức, người lao động khi có nhu cầu tham khảo tài liệu cập nhật trên hệ thống quản lý văn bản điều hành hoặc trên trang web trung tâm.

NƠI NHẬN (ghi rõ nơi nhận rồi đánh dấu ✓ vào ô bên cạnh)

<input checked="" type="checkbox"/>	Ban Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Nội - Nhi - YHCT	<input checked="" type="checkbox"/>	K. ATTP - dinh dưỡng - Y tế công cộng.
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Tổ chức hành chính	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Ngoại - Sản - 3CK	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ Quản lý chất lượng
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Kế hoạch tổng hợp	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Khám bệnh	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ dinh dưỡng
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Tài chính kế toán	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Dược	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Điều dưỡng	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Cận lâm sàng	<input checked="" type="checkbox"/>	
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Dân số	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS	<input checked="" type="checkbox"/>	

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI (tình trạng sửa đổi so với bản trước đó)

Trang	Hạng mục sửa đổi	Tóm tắt nội dung hạng mục sửa đổi

QUY ĐỊNH

Phân loại một số phẫu thuật, thủ thuật ngoại khoa, sản khoa

I. Các loại phẫu thuật (Theo quyết định 1526/QĐ-BYT – “Hướng dẫn giám sát nhiễm khuẩn vết mổ”)

1. Phẫu thuật sạch: Phẫu thuật vào các vị trí không có nhiễm trùng và không có bằng chứng của viêm. Không xâm nhập vào đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục hoặc tiết niệu, vết mổ được đóng ở thì đầu của phẫu thuật; dẫn lưu kín (nếu có chỉ định). Phẫu thuật chấn thương kín

2. Phẫu thuật sạch nhiễm: Là các phẫu thuật mở vào đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và tiết niệu trong điều kiện có kiểm soát và không bị ô nhiễm bất thường. Trong trường hợp đặc biệt, các phẫu thuật đường mật, ruột thừa, âm đạo và hậu huyệt được xếp vào loại vết mổ sạch nhiễm nếu không thấy có bằng chứng nhiễm khuẩn/ không phạm phải lỗi vô khuẩn trong khi mổ.

3. Phẫu thuật nhiễm: Vết thương hở, mới, chấn thương hở. Phẫu thuật vi phạm kỹ thuật vô trùng hoặc có tràn dịch tiêu hóa (ví dụ; ruột bị cắt/thủng bởi phẫu thuật viên). Các phẫu thuật mở vào đường sinh dục, tiết niệu, đường mật có nhiễm trùng hoặc những phẫu thuật được thực hiện ở vùng nhiễm trùng cấp tính nhưng chưa tạo mũ hoặc các mô hoại tử không có bằng chứng về thoát mũ (VD: hoại thư khô).

4. Phẫu thuật bẩn: Các vết thương hở, chấn thương, bẩn. Ô nhiễm dị vật hoặc phân. Các phẫu thuật ở vùng có nhiễm trùng rõ ràng hoặc có mũ.

II. Phân loại một số phẫu thuật, thủ thuật ngoại khoa

1. Phẫu thuật ngoại khoa

TT	Tên phẫu thuật	Sạch	Sạch nhiễm	Nhiễm	Bẩn	Tiêu chuẩn chẩn đoán
1.	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	x				Sạch: Bề mặt da tron nhẵn, không có vết thương, không sưng đỏ đau
2.	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính, hẹp hoặc dài		x			Sạch nhiễm: Liên quan đến đường tiết niệu, không có nhiễm trùng đường tiết niệu
3.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bì sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em				x	
4.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bì sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn				x	
5.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x				Sạch: Bề mặt da tron nhẵn, không có vết thương, không sưng đỏ

TT	Tên phẫu thuật	Sạch	Sạch nhiễm	Nhiễm	Bản	Tiêu chuẩn chẩn đoán
6.	Cắt ruột thừa đơn thuần		x	x	x	Sạch nhiễm: viêm ruột thừa đơn thuần Nhiễm: viêm phúc mạc ruột thừa Bản: Ruột thừa vỡ, áp xe ruột thừa vỡ
7.	Cắt sẹo khâu kín	x				Sạch: Sẹo mổ cũ có kích thước lớn trên da, xơ cứng
8.	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x				Sạch: Bề mặt da trơn nhẵn, không có vết thương, không sưng đỏ
9.	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)		x			Sạch nhiễm: ống hậu môn có liên quan đường tiêu hóa
10.	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x				Sạch: Bề mặt da trơn nhẵn, không có vết thương, không sưng đỏ
11.	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn				x	Tinh hoàn sưng đỏ đau, có dịch mủ
12.	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	x		x	x	Sạch: tổn thương đứt gân nhưng không có vết thương Nhiễm, Bản: Có vết thương tổn thương gân, vết thương sạch
13.	Khâu vết thương thành bụng			x	x	Vết thương tổn thương thành bụng từ lớp da vào, có thể tổn thương đến phúc mạc
14.	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	x				Bàn tay có nhiều hơn 5 ngón
15.	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản				x	Bản: áp xe là tổ chức nhiễm khuẩn có mủ
16.	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x				Sạch: Vùng da bẹn sạch, không có tổn thương, không sưng đỏ
17.	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón			x	x	Vết thương hở, mới, chấn thương, bản
18.	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động			x	x	Vết thương hở, mới, chấn thương, bản
19.	Phẫu thuật vết thương bàn tay			x	x	Vết thương hở, mới, chấn thương, bản
20.	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi			x	x	Vết thương hở, mới, chấn thương, bản
21.	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần			x	x	Vết thương hở, mới, chấn thương, bản

TT	Tên phẫu thuật	Sạch	Sạch nhiễm	Nhiễm	Bản	Tiêu chuẩn chẩn đoán
22.	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	x				Vùng da vết mổ ổn định, không viêm loét, không tấy đỏ, không chảy dịch mủ
23.	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)	x				Vùng da vết mổ ổn định, không viêm loét, không tấy đỏ, không chảy dịch mủ

2. Thủ thuật ngoại khoa

TT	Tên thủ thuật	Sạch	Sạch nhiễm	Nhiễm	Bản
1	Bó bột	x			
2	Cắt chỉ	x			
3	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản				x
4	Chích áp xe				x
5	Chích hạch viêm mủ				x
6	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên ngồi bệnh đái tháo đường				x
7	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang		x	x	
8	Đặt sonde bàng quang	x			
9	Gọt gai chân, chai chân	x			
10	Hút dịch khớp gối	x			
11	Hút nang bao hoạt dịch	x			
12	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x			
13	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong lòng sâu			x	
14	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn		x	x	
15	Khâu vết thương các vị trí			x	
16	Nắn trật khớp các vị trí	x		x	
17	Thay băng	x	x	x	x
18	Thông tiểu	x			
19	Thụt tháo phân	x			

III. Phân loại một số phẫu thuật sản khoa

TT	Tên phẫu thuật	Sạch	Sạch nhiễm	Nhiễm	Bản	Tiêu chuẩn chẩn đoán
A. SẢN KHOA						
1.	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên		x			Có mổ lấy thai 01 lần trước đó
2.	Phẫu thuật lấy thai lần đầu		x			Mổ lấy thai khi có chỉ định
3.	Phẫu thuật lấy thai/ Ối vỡ sớm			x		Vỡ ối trước khi có chuyển dạ

TT	Tên phẫu thuật	Sạch	Sạch nhiễm	Nhiễm	Bản	Tiêu chuẩn chẩn đoán
4.	Phẫu thuật lấy thai/ Chuyển dạ kéo dài			x		Trên 24 giờ với các cơn co tử cung đều đặn. Nếu mẹ bầu mang đa thai thì hơn 16 giờ sẽ được coi là chuyển dạ kéo dài.
5.	Phẫu thuật lấy thai/ Nhiễm trùng ối				x	Khi có nhiễm trùng 1 trong các yếu tố:dịch ối, thai, dây rốn, bánh rau,màng ối và màng đệm. Triệu chứng: mẹ sốt >38 độ C,BC > 15 G/L; Tim thai > 160 l/p trong > 10 phút; dịch đục chảy ra từ lỗ ngoài cổ tử cung. Chẩn đoán xác định khi có BC > 30 tb/mm3, cấy dịch ối có vi khuẩn.
6.	Phẫu thuật lấy thai kéo dài > 4 giờ			x		Thời gian phẫu thuật kéo dài > 4 giờ kể từ khi rạch da
7.	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynych...)		x			Mổ lấy thai có biến chứng đờ tử cung, chảy máu nhiều
8.	Thủ thuật cấp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo			x		
9.	Chích áp xe tầng sinh môn				x	Vùng tầng sinh môn có khối áp xe
B. PHỤ KHOA						
10.	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung		x			U xơ tử cung là khối u lành tính của tế bào cơ trơn tử cung
11.	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ		x			Khối u tại buồng trứng phát hiện bằng siêu âm, MRI, CT scan
12.	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung		x			Thai ngoài tử cung là tình trạng túi thai nằm ngoài tử cung.
13.	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn			x		Vùng tầng sinh môn bị chấn thương do sang chấn, tai nạn...
14.	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung		x			Polyp cổ tử cung là những khối tăng sinh lành tính ở cổ tử cung và ống cổ tử cung
15.	Khâu rách cùng đồ âm đạo		x			Vết rách cùng đồ âm đạo gây chảy máu nhiều do tai nạn
16.	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn		x			Thành âm đạo bị sa, tầng sinh môn có sẹo xơ cứng, liền không theo vị trí giải phẫu, xấu về thẩm mỹ

TT	Tên phẫu thuật	Sạch	Sạch nhiễm	Nhiễm	Bản	Tiêu chuẩn chẩn đoán
17.	Chích áp xe tuyến Bartholin				x	Áp xe tuyến Bartholin xảy ra khi tuyến bị viêm, tắc khiến cho dịch trong tuyến tích tụ lại và gây nhiễm trùng.
18.	Chích áp xe vú				x	Áp xe vú là tình trạng tụ mủ khu trú ở mô vú. Chẩn đoán khi có khối sưng nóng đỏ đau tại vú
19.	Cắt u vú lành tính	x				Chẩn đoán: Khối u tại vú lành tính khi có kết quả sinh thiết lành tính, chẩn đoán xác định khi có kết quả giải phẫu bệnh không có tế bào ác tính. Có 2 loại: U dạng nang và u dạng đặc